

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2021/DS-ST**  
Ngày 08-12-2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Minh Tùng**

2. Bà **Lê Bảo Ngân**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 71/2021/TB-TA ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đoàn Ngọc L**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lôi Thị D** – 1959

Nơi cư trú: Số 259/10A, P, phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1964; Ông **Chu Văn K**, sinh năm 1956.

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: Ông **Phạm Hữu H** – 1956

Nơi cư trú: số 22/1, khu vực 1, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

*(Bà D có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Ngọc L có đại diện theo ủy quyền bà Lôi Thị D trình bày như sau:*

Bị đơn ông Chu Văn K và bà Lê Thị Q có vay của ông Lợi số tiền tổng cộng là 1.000.000.000 đồng, số tiền này được cho vay thành 02 lần cụ thể như sau: Vào ngày 13/11/2013 vay số tiền 600.000.000 đồng và ngày 30/7/2014 vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng sẽ trả, các bên không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để làm vốn mua lúa phục vụ cho sinh hoạt gia đình. Việc vay tiền các bên có làm “Biên nhận ngày 13/11/2013 và Biên nhận ngày 30/7/2014”, bà Q và ông K cùng ký tên và điểm chỉ vào biên nhận trên. Việc vay tiền này bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn các tài sản để làm tin cụ thể như sau: 01 ghe sắt CT 07094 khoảng 65 tấn; 01 ghe gỗ khoảng 23 tấn và 01 ghe gỗ 15 tấn, từ khi vay đến nay thì bị đơn chưa trả nợ gốc cho nguyên đơn. Nay ông L yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 1%/tháng cụ thể như sau: Số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 13/11/2013 đến ngày 08/12/2021 là:  $(600.000.000đ \times 1\%/tháng) \times 95 \text{ tháng} = 570.000.000 \text{ đồng}$ . Số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 30/7/2014 đến ngày 08/12/2021 là  $(400.000.000 \text{ đ} \times 1\%/tháng) \times 84 \text{ tháng} = 336.000.000 \text{ đồng}$ . Như vậy ông Lợi yêu cầu tổng số tiền là: 1.906.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 906.000.000 đồng)

*Bị đơn ông Chu Văn K và bà Lê Thị Q trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

*Ông Phạm Hữu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết ông trình bày như sau:* Ông có đứng trên trong Biên nhận ngày 30/7/2014 có cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng, nhưng số tiền này là ông L đưa cho ông để đứng ra giao dịch với bị đơn chứ không phải tiền cho ông cho bị đơn vay. Qua vụ kiện ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền này, đồng ý để cho ông L khởi kiện đối với số tiền này.

Để chứng minh cho yêu cầu và ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Biên nhận ngày 13/11/2013 và Biên nhận ngày 30/7/2014.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền tổng cộng 1.906.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 906.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Đoàn Ngọc L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Chu Văn K và bà Lê Thị Q có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông K và bà Quý đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Nguyên đơn và bị đơn có làm Biên nhận về việc vay tiền, có thời hạn trả nợ gốc cụ thể nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả cho nguyên đơn là vi phạm, bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương và không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới theo qui định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Nguyên đơn ghi địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn (ấp P, xã T, huyện D) đã cung cấp theo Biên nhận nợ là đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Ông K và bà Q đã biệt tích quá 06 tháng liên tiếp, không rõ thời điểm trở về và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới. Để đảm bảo người bị kiện nhận được thông tin liên quan đến vụ án theo qui định tại điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã tiến hành yêu cầu giải quyết việc dân sự “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” và đã được giải quyết bằng Quyết định số: 08/2021/QĐST-DS ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Sau đó

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng theo khoản 5 điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn. Ông H vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, ông K, bà Q đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên trong vụ án.

[4] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 13/11/2013 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 600.000.000 đồng, ngày 30/7/2014 cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng, tổng số tiền cho bị đơn vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng sẽ trả nhưng đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Lời khai này của nguyên đơn được thể hiện trong Biên nhận ngày 13/11/2013 và Biên nhận ngày 30/7/2014 nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án.

[5] Xét “Biên nhận ngày 13/11/2013 và Biên nhận ngày 30/7/2014” các bên đã lập có và bà Q có ký tên trong Biên nhận. Để có căn cứ giải quyết vụ án khách quan, đúng pháp luật Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tiến hành thu thập chứng cứ tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh. Căn cứ vào hồ sơ được sao y từ hồ sơ lưu trữ tại cơ quan Công an huyện Vĩnh Thạnh thì thấy tại kết luận giám định số 80/KLGD-PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận chữ ký mang tên Lê Thị Q trong Biên nhận ngày 13/11/2013 và Biên nhận ngày 30/7/2014 so với chữ ký mang tên Lê Thị Q trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Do đó, đủ cơ sở kết luận chữ ký Lê Thị Q trong các tài liệu nguyên đơn cung cấp là do bà Lê Thị Q ký ra.

[6] Về nghĩa vụ liên đới: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Q và ông Chu Văn K có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ vay và số tiền lãi. Xét khoản tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K và bà Q, trong thời gian này ông K và bà Q sống chung, xây dựng kinh tế chung và thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung theo luật định. Việc vay tiền mục đích nhằm xây dựng kinh tế của gia đình ông K và bà Q. Do đó, mặc dù ông K không biết khoản nợ vay này nhưng bà Q và ông K phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27; Điều 30; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này”*. Ngoài ra, việc buộc ông K có trách nhiệm

liên đới thanh toán nợ là cần thiết để đảm bảo công tác thi hành án. Từ những nhận định trên, cần buộc ông Chu Văn K có nghĩa vụ liên đới bà Lê Thị Q thanh toán khoản nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi: Xét thấy việc bị đơn nợ nguyên đơn số tiền vay thì khi thanh toán tiền nợ vay bị đơn còn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi cụ thể : Số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 13/11/2013 đến ngày 08/12/2021 là:  $(600.000.000đ \times 1\%/tháng) \times 95$  tháng = 570.000.000 đồng. Số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 30/7/2014 đến ngày 08/12/2021 là  $(400.000.000 đ \times 1\%/tháng) \times 84$  tháng = 336.000.000 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu tiền nợ lãi là phù hợp với Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 nên chấp nhận.

[8] Từ những tình tiết và sự kiện nêu trên, có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và nợ số tiền 1.000.000.000 đồng là có thật. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005: “...1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Quá trình thỏa thuận vay, bị đơn có giao cho nguyên đơn giữ 01 ghe sắt CT 07094 khoảng 65 tấn; 01 ghe gỗ khoảng 23 tấn và 01 ghe gỗ 15 tấn. Đây là tài sản của bị đơn, ông K, bà Q chỉ giao cho nguyên đơn giữ để làm tin, không thỏa thuận thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, không đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy căn cứ Điều 105;106;115; 164; 166 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc nguyên đơn ông L phải có nghĩa vụ trả các tài sản cho bị đơn ông K, bà Q. Xét thấy, tại biên bản thẩm định tài sản ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, qua xem xét thẩm định các tài sản trên do ông L đang quản lý nhưng thực tế chỉ nhìn thấy 01 ghe sắt CT 07094 khoảng 65 tấn (hiện trạng đã cũ và rỉ sét) còn 01 ghe gỗ khoảng 23 tấn và 01 ghe gỗ 15 tấn đã bị chìm xuống sông không nhìn thấy được. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét buộc ông L trả lại cho bị đơn 01 ghe sắt CT 07094 khoảng 65 tấn (hiện trạng đã cũ và rỉ sét).

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147; Điều 177; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 163; Điều 256; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

- Các Điều 105; 106; 115; 164; 166; 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27; 30; 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Lê Thị Q và ông Chu Văn K như sau:

1.1. Buộc bà Lê Thị Q và ông Chu Văn K có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đoàn Ngọc L tổng số tiền nợ vay là 1.906.000.000 đồng ( Một tỷ chín trăm lẻ sáu triệu đồng), trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi là 906.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

1.2. Buộc ông Đoàn Ngọc L có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Q và ông Chu Văn K 01 ghe sắt CT 07094 khoảng 65 tấn (hiện trạng đã cũ và rỉ sét) (Theo biên bản xem xét thẩm định tài sản ngày 09/7/2021)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Lê Thị Q và ông Chu Văn K phải nộp án phí số tiền là 69.108.000 đồng ( Sáu mươi chín triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

2.2 Hoàn trả lại cho ông Đoàn Ngọc L tiền tạm ứng án phí 32.370.000 đồng theo biên lai thu số 016395 ngày 01.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.